Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán nhằm kiểm soát chi hoạt động tại các đơn vị giáo dục công lập

PGS.TS Mai Thị Hoàng Minh* - TS Bùi Quang Hùng*

Nhận: 20/5/2020
Biên tập: 30/5/2020
Duyệt đăng: 10/6/2020

Tổ chức công tác kế toán góp phần vào việc điều hành có hiệu quả mọi tình hình hoạt động phát sinh tại đơn vị, nhất là công tác kiểm soát các khoản chi hoạt động - nội dung dễ phát sinh sai sót tại các đơn vị hành chính sự nghiệp nói chung, đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập sử dụng ngân sách Nhà nước nói riêng. Bài viết trình bày một số yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, nhằm kiểm soát chi hoạt động với mục đích cung cấp một cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu thực hiện tổ chức công tác kế toán phù hợp hơn đối với loại hình đơn vị này.

Từ khóa: *Tổ chức công tác kế toán, chi hoạt động, đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.*

Abstract

Structure of accounting and accounting organization contributes to the effective management of all the transactions arising at the unit, especially the control of operating expenses which usually content the errors occurred at non-business administrative units in general, state educational institutions based on the state budget in particular. During the past time, the situation of fraud and embezzlement has caused waste of state budget is massively distributed in many localities throughout the country. This article presents a number of factors that influence completing the structure of accounting and accounting organization to control operational expenses in order to provide a theoretical basis for further research into the implementation of this kind of research.

Keywords: *Structure of accounting and accounting organization, operating expenses, state educational institutions*

1. Đặt vấn đề

Sử dụng Ngân sách Nhà nước (NSNN) một cách hiệu quả và tiết kiệm là một yêu cầu cơ bản được đặt ra cho tất cả các đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN) nói chung và các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (GDCL) đang hoạt động dựa vào NSNN nói riêng, khi hàng năm Chính phủ Việt Nam dành khoảng 20% số chi ngân sách cho hoạt động giáo dục. Để thực hiện vấn đề này, các đơn vị sự nghiệp GDCL cần tính toán sao cho với mức chi phí thấp nhất, nhưng các hoạt động giáo dục và đào tạo vẫn được tiến hành và diễn ra một cách hiệu quả nhất. Theo đó, các đơn vị sự nghiệp GDCL cần kết hợp sử dụng đồng thời nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có tổ chức hệ thống thông tin bằng số liệu để phản ánh, ghi nhận kịp thời các khoản chi theo từng nội dung chi, từng nhóm chi, mục chi và thường xuyên tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề ra biện pháp tăng cường quản lý chi một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Trong những năm trở lại đây, tổ chức công tác kế toán (TCCTKT) có liên quan đến kiểm soát các khoản chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp GDCL vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Thông qua nhiều đợt thanh tra, kiểm tra trong năm 2017, hàng loạt sai phạm do chưa hiểu rõ văn bản pháp luật hay vi phạm có chủ đích gây thất thoát cho NSNN hàng trăm tỷ đồng vẫn tồn tại ở nhiều địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, số lượng công trình nghiên cứu tập trung vào tìm hiểu các nhân tố tác động đến hoàn thiện TCCTKT tại khu vực công nói chung và tổ chức kế toán cho đơn vị sự nghiệp GDCL nói riêng lại khá hạn chế.

Đa số các nghiên cứu tại các quốc gia trên thế giới tập trung vào xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi kế toán tiền sang cơ sở dồn tích của các quốc gia phát

* Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

triển (Hassan A. G. Ouda, 2004; Cristina Silvia Nistora và cộng sự, 2013) và các quốc gia đang phát triển (Phetphrairin Upping và Judy Olive, 2011; Harun Harun và Haryono Kamase, 2012; Cristina Silvia Nistora và cộng sự, 2013). Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu liên quan đến kế toán khu vực công được một số tác giả thực hiện đa phần tập trung vào việc đề xuất các giải pháp và đưa ra các khuyến nghị để kế toán khu vực công phù hợp với thông lệ quốc tế (Phạm Quang Huy, 2014; Lê Thị Cẩm Hồng, 2013; Phan Thị Thúy Quỳnh, 2012) hay nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các trường đại học công lập ở Việt Nam (Tô Hồng Thiên, 2017)… và chưa có công trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoàn thiện TCCTKT nhằm kiểm soát các khoản chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp GDCL sử dụng NSNN.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến TCCTKT nhằm kiểm soát các khoản chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp GDCL

TCCTKT tại đơn vị sự nghiệp GDCL là việc tổ chức hệ thống thông tin bằng số liệu để quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí; tình hình quản lý và sử dụng tài sản công, tình hình chấp hành dự toán thu, chi phù hợp với tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước. Do đó, bộ phận kế toán tại loại hình đơn vị này đảm nhận những nhiệm vụ sau: thu thập, phản ánh, xử lý và tổng hợp thông tin về nguồn kinh phí được cấp, được hình thành và tình hình sử dụng kinh phí, sử dụng các khoản thu phát sinh ở đơn vị; kiểm tra, kiểm soát tình hình thu, chi, sử dụng tài sản công tại đơn vị, tình hình thu, nộp ngân sách; lập và nộp báo cáo tài chính (BCTC) cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định của pháp luật,…

Nhằm phát huy tối đa chức năng, vai trò quan trọng của kế toán trong công tác quản lý tài chính tại đơn vị, đòi hỏi TCCTKT tại đơn vị cần được thực hiện một cách khoa học, hợp lý nhằm cung cấp thông tin trung thực và khách quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các bên liên quan. Thông qua việc tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện TCCTKT tại đơn vị GDCL, các đơn vị sẽ có các điều chỉnh thích hợp để TCCTKT tại đơn vị ngày càng phù hợp và hiệu quả hơn vì TCCTKT một cách khoa học và hợp lý không những đóng vai trò quyết định đối với chất lượng của công tác kế toán, mà còn góp phần đáng kể vào việc quản lý kinh phí, bảo vệ tài sản, tiền vốn của đơn vị một cách hiệu quả.

Hệ thống văn bản pháp quy

Theo Jreisat (2010), tình trạng thiếu vắng một khuôn khổ kế toán khu vực công nghiêm ngặt là một nhân tố gây nên sự lãng phí và tham nhũng tại một số quốc gia thuộc nhóm các nước đang phát triển. Do đó, việc xây dựng một hệ thống pháp quy chặt chẽ và phù hợp đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm khắc phục tình trạng trên. Hệ thống văn bản pháp quy là khung pháp lý chi phối công tác kế toán bao gồm Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, nghị định, thông tư (Xu và cộng sự, 2003; Võ Văn Nhị và cộng sự, 2014; Nguyễn Thị Hồng Nga, 2014). Hệ thống văn bản pháp quy giúp các đơn vị định hướng công tác kế toán trong việc tổ chức bộ máy kế toán, xác định thông tin cần thu thập, cách thức xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin nhằm đạt được mục tiêu quan trọng là cung cấp thông tin kế toán có chất lượng phục vụ cho người sử dụng (Tô Hồng Thiên, 2017).

Ngoài ra, một văn bản đóng vai trò quan trọng không kém khác trong hệ thống văn bản pháp quy chi phối công tác kế toán tại đơn vị sự nghiệp GDCL sử dụng NSNN chính là quy chế chi tiêu nội bộ. Theo Nghị quyết 77/2014/NQ-CP, được ban hành vào ngày 24/10/2014, quy định các khoản thu, chi tài chính nhằm đảm bảo tính phù hợp với điều kiện hoạt động của từng đơn vị sự nghiệp giáo dục trong một khoản thời gian nhất định. Tuy nhiên, quy chế chi tiêu nội bộ vẫn tồn tại nhiều nội dung, mức chi bị thiếu hoặc chưa đầy đủ nên khi các cơ quan thanh tra và kiểm toán kiểm tra tình hình tài chính của đơn vị, đơn vị sẽ bị yêu cầu giải trình hoặc phải xuất toán. Thêm vào đó, việc nghiên cứu, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ thường tập trung vào việc nâng cao thu nhập cho cán bộ nhân viên, giảng viên, chưa quan tâm đầu tư nhiều cho hoạt động đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Quản lý tài chính tại các đơn vị này còn để xảy ra nhiều bất cập trong phân phối các khoản chi và nội dung chi. (Vũ Thị Minh và Nguyễn Văn Huy, 2018).

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Lý thuyết xử lý thông tin được xây dựng bởi Galbraith vào năm 1973 (Raldolph & Richard, 2005), các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán như Niels Dechow và cộng sự (2007); Zohreh Hajiha, Zo Alfagha Pour Azizi (2011); Maziyar Ghasemi & ctg (2011)… đã xây dựng giả thuyết về mối quan hệ giữa yếu tố công nghệ thông tin và chất lượng thông tin trên BCTC. Công

nghệ thông tin bao gồm hệ thống thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông, phần mềm kế toán (Noor & Molcolm, 2007; Nguyễn Thị Hồng Nga, 2014). Lý thuyết xử lý thông tin cho rằng, sự thích hợp của khả năng xử lý thông tin sẽ có một ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả của tổ chức (Galbraith, 1973). Do đó, một trong những cách thức cần phải thực hiện là gia tăng năng lực xử lý thông tin nhằm gia tăng hiệu quả của thông tin (Premkuma và cộng sự, 2005).

Thực hiện công việc kế toán trên phần mềm kế toán sẽ hạn chế được các sai sót do con người gây ra; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống, tránh trùng lặp giữa các phần hành kế toán; tiết kiệm chi phí (Nguyễn Bích Liên, 2012). Đặc biệt, khi phần mềm được thiết lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán, có tính năng lưu lại đầy đủ các vết tích của quá trình ghi nhận và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sẽ góp phần gia tăng tính trung thực và hợp lý của BCTC.

Nhân viên đảm nhận công tác kế toán

Theo lý thuyết, sự khuếch tán kỹ thuật do nhà xã hội học người Pháp Tarde Gabriel - người đầu tiên đề cập đến lý thuyết này (Shalini S. Gopalkrishnan, 2013), được Attawell (1992, theo Noor Azizi Ismail, 2009) đóng góp thêm vào và quan điểm quản trị chất lượng toàn diện (TQM) cho rằng sự thiếu sót về kỹ năng con người làm ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC được cung cấp (Ballantine và cộng sự, 1998; Noor Azizi Ismail, 2009). Nhân viên đảm nhận công tác kế toán được chú trọng ở hai khía cạnh, bao gồm năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

Năng lực nghề nghiệp thể hiện qua hiệu suất của những công việc mà họ đảm nhận hàng ngày như thu thập, xử lý, lưu trữ và lập báo cáo kế toán. Hiệu suất chỉ đạt được ở mức tối đa, khi nhân viên kế toán có hiểu biết sâu rộng và kỹ năng chuyên môn tốt trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, người trực tiếp đảm nhận công tác kế toán phải có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật (Luật Kế toán Việt Nam, 2015), trách nhiệm nghề nghiệp (Luật Kế toán Việt Nam, 2015; Nguyễn Thị Hồng Nga, 2014) và có tác phong, thái độ tốt (Nguyễn Thị Thu Hiền, 2015). Do đó, để đảm bảo công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách hiệu quả, đơn vị phải trang bị nguồn nhân lực có trình độ, có kinh nghiệm về tài chính, kế toán và được hỗ trợ và đào tạo thường xuyên (Anggriawan và Yudianto, 2018).

Người quản lý kế toán (kế toán trưởng)

Người quản lý kế toán được xem là người đứng đầu bộ máy kế toán, đảm nhận nhiệm vụ TCCTKT trong toàn đơn vị (Luật Kế toán Việt Nam, 2015), có đầy đủ năng lực, trình độ chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp và có ý thức tuân thủ pháp luật (Luật Kế toán Việt Nam, 2015; Nguyễn Thị Hồng Nga, 2014). Việc TCCTKT tại các đơn vị sự nghiệp GDCL phụ thuộc vào người đứng đầu bộ máy kế toán thông qua việc trực tiếp quản lý và điều hành mọi hoạt động của bộ máy kế toán từ khâu tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức lập và luân chuyển chứng từ, ghi chép sổ sách kế toán và cung cấp thông tin trên BCTC. Do đó, nếu nhà quản lý kế toán không được đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn và rèn luyện phẩm chất đạo đức (không có ý thức tuân thủ pháp luật) sẽ gây ra tình trạng thất thoát NSNN.

Ban giám hiệu

Ban giám hiệu là những người đứng đầu đơn vị, đảm nhận việc xác lập các mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược cho toàn đơn vị. Đối với các đơn vị sự nghiệp GDCL sử dụng NSNN, hiệu trưởng là người phụ trách công tác quản lý tài chính kế toán, có trách nhiệm trong việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong đơn vị (Luật Kế toán Việt Nam, 2015) thông qua việc xét duyệt và phê chuẩn các các khoản thu, chi hoạt động và chịu trách nhiệm trong việc lập BCTC. Do đó, ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật và sự am hiểu sâu rộng về công tác kế toán tại đơn vị của Ban giám hiệu nói chung hay Hiệu trưởng nói riêng, sẽ góp phần gia tăng tính hiệu quả trong công tác kế toán nhằm kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hoạt động, hạn chế tối đa những hành vi tham ô, lãng phí gây thất thoát NSNN. Mối quan hệ giữa yếu tố này với chất lượng thông tin được cung cấp trên BCTC được giải thích bởi lý thuyết sự khuếch tán kỹ thuật; lý thuyết ngẫu nhiên. Theo đó, hạn chế của sự hiểu biết của nhà quản lý về tầm quan trọng của thông tin kế toán sẽ dẫn đến tình trạng giảm hiệu quả của thông tin kế toán trong việc đáp ứng nhu cầu thông tin, trong đó có thông tin trên BCTC (Ismail and King, 2007).

Công tác thanh tra, kiểm tra

Việc không thực hiện giám sát, kiểm tra của cơ quan chức năng sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng thông tin kế toán tài chính (Trần Đình Khôi Nguyên, 2013). Do đó, đối với đơn vị sự nghiệp GDCL, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo các khoản chi hoạt động tại đơn vị được

thực hiện đúng pháp luật, đúng quy định. Công tác thanh tra, giám sát cần được thực hiện bởi nhiều đơn vị chức năng có liên quan như Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ,… sẽ góp phần hạn chế tối đa tình trạng tham nhũng, tham ô gây thất thoát NSNN hoặc có những chấn chỉnh, điều chỉnh kịp thời cho những thiếu sót, hạn chế trong TC-CTKT tại đơn vị.

3. Kết luận

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoàn thiện TCCTKT, nhằm kiểm soát các khoản chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp GDCL được trình bày với mong muốn cung cấp một cơ sở nền tảng lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến TCCTKT tại loại hình đơn vị này trong điều kiện và tình hình tại Việt Nam, nhằm tạo tiền đề cho những nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn về TCCTKT tại các đơn vị sự nghiệp GDCL tại từng địa phương, vùng miền nhất định trên cả nước, nhằm kiểm soát việc sử dụng NSNN một cách chặt chẽ và hiệu quả. Tuy nhiên, bài viết cũng tồn tại một số hạn chế nhất định khi chỉ mới thực hiện tổng hợp các luận điểm của các tác giả tại Việt Nam và trên thế giới làm căn cứ cho những yếu tố được cho rằng có ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến TCCTKT tại đơn vị như hệ thống cơ sở pháp lý, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực thực hiện công tác kế toán,… chưa đi sâu tìm hiểu các yếu tố khác như chia sẻ kiến thức giữa các nhân viên trong bộ phận kế toán, cơ sở kế toán sử dụng, môi trường làm việc,… Đây cũng là những gợi ý nên được xem xét thực hiện cho những nghiên cứu tiếp theo trong tương lai, nhằm hoàn thiện hơn nữa về mặt cơ sở lý thuyết cho mảng đề tài này.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, 2014. Nghị quyết 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các CSGDĐHCL giai đoạn 2014 – 2017.

2. Kết luận Thanh tra của một số đơn vị sự nghiệp GDCL năm 2017.

3. Lê Thị Cẩm Hồng, 2013. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống BCTC áp dụng cho đơn vị HCSN ở Việt Nam theo định hướng Chuẩn mực Kế toán công Quốc tế. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

4. Quốc hội, 2015. Luật Kế toán số 88/2015/QH 13. Hà Nội.

5. Nguyễn Bích Liên, 2012. Xác định và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Việt Nam. LATS, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

6. Nguyễn Thị Hồng Nga, 2014. Tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán. Tạp chí Kế toán và kiểm toán; số tháng 08/2014, trang 15-35.

7. Nguyễn Thị Thu Hiền, 2015. Hoàn thiện BCTC khu vực công Việt Nam. LATS, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

8. Phạm Quang Huy, 2014. Hoàn thiện hệ thống kế toán thu, chi NSNN tại Việt Nam. LATS, Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM.

9. Phan Thị Thúy Quỳnh, 2012. Thiết lập hệ thống BCTC áp dụng áp dụng cho đơn vị HCSN ở Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

10. Tô Hồng Thiên, 2017. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các trường đại học công lập ở Việt Nam. LATS, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

11. Trần Đình Khôi Nguyên, 2013. Bàn về thang đo các nhân tố phi tài chính ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 190, tháng 4, trang 52-59.

12. Võ Văn Nhị và cộng sự, 2014. Hoàn thiện BCTC của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng chuẩn mực kế toán công quốc tế. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ. Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

13. Vũ Thị Minh và Nguyễn Văn Huy, 2018. Một số vấn đề về quản lý tài chính tại các trường đại học công lập. http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/mot-so-van-de-ve-quan-ly-tai-chinh-tai-cac-truong-dai-hoc-cong-lap-131569.html/ Truy cập ngày 11/03/2018.

14. Ballantine, J., Levy, M. & Powell, P., 1998. Evaluating Information Systems in Small and Medium-sized Enterprises: Issues and Evidence. European Journal of Information Systems, 7, 241-251.

15. Cristina Silvia Nistora, Adela Deaconu, Codruta Mare, 2013. The influence of environmental factors on the evolution of Romanian public accounting. Journal of Business Economics and Management, ISSN 1611-1699.

16. Fakhri Triasa Anggriawan & Ivan Yudianto, 2018. Factors Affecting Information Quality of Local Government Financial Statement of West Bandung District, West Java Province, Indonesia. Journal of Accounting Auditing and Business (ISSN: 2614-3844), Volume 1, Issue 1, 2018, 34-46.

17. Galbraith, J. R., 1973. Designing Complex Organizations. Addison-Wesley, Reading, Mass. Green, P.E., Tull.

18. Harun Harun & Haryono Kamase, 2012. Accounting Change and Institutional Capacity: The case of a Provincial Government in Indonesia. AABFJ. Volume 6. No.2. artical 4. Copyright 2012 Australasian Accounting Business and Finance Journal and Authors.

19. Harun Harun, 2012. Public sector accounting reform in Indonesian Post-Saharto Era. LATS, Trường The University of Waikato.

20. Hongjiang, X., & et al, 2003. Key issues accounting information quality managerment: Australian case studies. Industrial Management & Data Systems, Vol. 103 Iss 7, pp. 461 – 470.

21. Ismail, N.A. & King, M., 2007. Factors Influencing the Alignment of Accounting Information Systems in Small and Medium Sized Malaysian Manufacturing Firms. Journal of Information Systems and Small Business, 1, 1-19.

22. reisat J, 2010. Comparative public administration and Africa. International Review of Administrative Sciences. 76 (4): 612-631.

23. Maziyar Ghasemi & ctg, 2011. The impact of Information technology (IT) on moderm accounting system. Pricedia- Social and Behavioral Sciences, 28, 112-116.

24. Niels Dechow, Markus Granlund & Jan Mouritsen, 2007. Management control of the complex organazation: relationships between management accounting and information technology. Handbook of Management Accounting Reseach Edited by Christopher S.Chapman, Anthony G. Hopwood and Micheal D, Shields 2007 Elsevier.

25. Noor & Molcolm, 2007. Factors influencing the alignment of accounting information systems in small and medium sized Malaysian manufacturing firms. Journal of Information Systems and Small Business, vol 1, No. 1-2, pp. 1-20.

26. Noor Azizi Ismail, 2009. Factors influencing AIS effectiveness among Manufaturing SMEs: evidence from Malaysia. The Electronic Journal on Information Systems in Developing Countries, 38, 1-19.

27. Ouda Hassan, 2004. Basic Requirements Model for Successful implementation Of Accrual Accounting in The Public Sector. International Consortium on Governmental Financial Management. Public Fund Digest volume IV, No. 1, 2004.

28. Phetphrairin Upping & Judy Olive, 2011. Accounting change model for the public sector: adapting luder's model for developing countries. International Review of Business Research Papers Vol. 7. No. 1. January 2011, pp. 364 – 380.

29. Premkumar, G. Ramamurthy, K. & Saunders, C. S., 2005. Information processing view of organizations: An exploratory examination of fit in the context of interorganizational relationships. Journal of Management Information Systems, 22(1), 257-294.

30. Raldolph B. Cooper & Richard A. Wolfe, 2005. Information processing model of information technology adaptation: an intra- organzational diffusion perspective. Database for Advances in Information Systems, Winter 2005, 36, 1; ProQuest Central pg.30.

31. Shalini S. Gopalkrishnan, 2013. A new resource for social entrepreneurs: technology. American Journal of Management, Vol. 13 (1) 2013.

32. Zohreh Hajiha, Zo Alfagha Pour Azizi, 2011. Effective factors on alignment of accounting information systems in manufacturing companies: Evidence from Iran. Information management and Business Review, 3, 158-170.